

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2021

“V/v Ly hôn giữa chị H và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đức Tâm.

Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 195/2021/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp 7, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị H và anh T vắng mặt (đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2021, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trương Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Một thời gian sau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau do bất đồng

quan điểm và đã không sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2021 đến nay, không còn quan tâm giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh T là vợ chồng. Chị và anh T có hai con chung tên Trương Tấn Nguyên sinh năm 2000 và Trương Nhật Nam sinh năm 2002, đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn là anh Trương Văn T trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị H về thời gian anh và chị H chung sống và về con chung. Anh và chị H không có đăng ký kết hôn.

Anh cũng thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị H là vợ chồng. Các con chung của anh và chị H là Trương Tấn Nguyên sinh năm 2000 và Trương Nhật Nam sinh năm 2002, đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Anh và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết cho chị ly hôn với anh Trương Văn T. Anh T là bị đơn trong vụ án, cư trú tại ấp 7 (Bàu Lò), xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, anh Trương Văn T là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Chị H và anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn T chung sống không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận vợ chồng...”. Vì vậy, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung tên Trương Tấn Nguyên sinh năm 2000 và Trương Nhật Nam sinh năm 2002, đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đề cập vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị H và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 14, 15, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn T có hai con chung tên Trương Tấn Nguyên sinh năm 2000 và Trương Nhật Nam sinh năm 2002, đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn T trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007888 ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang